



yè mù
夜幕

noun · night; curtain of night

Example Sentences

yè mù jiàng lín chéng shì ān jìng xià lái
夜幕降临，城市安静下来。

Night falls, and the city becomes quiet.

tā men zài yè mù zhōng qiāo qiāo chū fā
他们在夜幕中悄悄出发。

They set off quietly under the cover of night.

Trace each character, then write the word on your own.

夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜
幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕	幕
幕	幕	幕	幕	幕						